

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/HS-PT
Ngày: 11- 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông: Võ Trung Hiếu;

Ông: Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 74/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2025/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Tuấn P (tên gọi khác: T), sinh ngày 30/3/1986, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082086011103; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị T1; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 23/9/2021, bị Ủy ban nhân dân xã S, huyện C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng do có hành vi hủy hoại tài sản của người khác theo Quyết định số 1104/QĐ-XPVPHC, đã đóng phạt xong ngày 24/9/2021; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/8/2024, chuyển tạm giam từ ngày 28/8/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, bản án còn có 01 bị hại nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do từng làm chung công ty nên bị cáo quen biết chị Lâm Thị Ngọc M. Bị cáo biết con chị M bị bệnh nên bị cáo nhiều lần cho tiền con chị M điều trị bệnh (mỗi lần cho từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng). Sau đó, bị cáo ngỏ ý muốn chị M làm bạn gái của bị cáo nhưng chị M không đồng ý dẫn đến bị cáo và chị M xảy ra mâu thuẫn nên bị cáo đòi lại số tiền 21.000.000 đồng đã cho con chị M (bị cáo tự tính ra số tiền này, không có chứng cứ chứng minh). Chị M đồng ý trả lại tiền cho bị cáo với điều kiện bị cáo không liên lạc gì với chị M và bị cáo đồng ý. Chị M trả lại 21.000.000 đồng cho bị cáo và chặn tất cả mọi liên lạc với bị cáo. Tuy nhiên sau đó, bị cáo tiếp tục tìm chị M và nhiều lần cho tiền con chị Mai T2 bệnh.

Đến khoảng 16 giờ ngày 12/6/2024, khi đang trên đường đến nhà tìm chị M thì bị cáo gặp chị M đang điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63B4 – 381.97 chở con chạy trên đường H đoạn thuộc ấp Đ, xã Đ, huyện C nên bị cáo điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 54T2 – 6860 ép xe chị M đang điều khiển vào lề đường để nói chuyện. Khi chị M dừng xe lại thì bị cáo yêu cầu chị M không chặn cuộc gọi của bị cáo nữa nhưng chị M không nói chuyện với bị cáo mà lấy điện thoại di động hiệu OPPO A54 (màu xanh có gắn ốp lưng bằng nhựa màu đen dán nhiều hình thú) từ trong túi ra để gọi công an xã đến. Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định lấy điện thoại của chị M nên dùng tay phải giật điện thoại chị M đang cầm trên tay rồi tăng ga xe mô tô hai bánh chạy đi, chị M truy hô nhưng không dám đuổi theo bị cáo.

Sau khi bị cáo chiếm đoạt điện thoại của chị M thì bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân là dùng điện thoại của chị M gọi cho mẹ ruột của bị cáo, mẹ ruột chị M và nghe điện thoại của nhiều người khác gọi cho chị M. Ngoài ra, bị cáo còn mở các ứng dụng trên điện thoại để xem các tin nhắn, hình ảnh. Từ đó, bị cáo biết được chị M có bạn trai nên tức giận muốn cho nhiều người biết sự việc nhằm xúc phạm danh dự của chị M. Để thực hiện ý định, bị cáo sử dụng ứng dụng Facebook đăng nhập sẵn trên điện thoại của chị M với tên “Mai L” (tài khoản Facebook của chị M) để đăng các bài viết có nội dung thiếu chuẩn mực nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị M. Ngoài ra, bị cáo trích các tin nhắn, hình ảnh liên quan đến tên “Hoàng Thương” (là bạn chị M) trong điện thoại chị M và in ra nhiều ảnh, bị cáo viết vào mặt sau ảnh những nội dung thiếu chuẩn mực xúc phạm chị M như “Vô ơn, không tình nghĩa, nợ tiền của bị cáo, quen người khác...” rồi phô tô ra nhiều bản đem dán ở hàng rào trước nhà chị M, các cây cột trong chợ T3 và nơi làm việc của chị M là Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào các ngày 23/6/2024 và

30/6/2024. Ngày 30/6/2024, khi bị cáo đang dán ảnh tại Ủy ban nhân dân xã T thì bị Công an xã T phát hiện lập biên bản, thu giữ điện thoại OPPO A54 của chị M và tài liệu, hình ảnh liên quan. Sau khi bị thu giữ điện thoại OPPO A54, bị cáo mượn điện thoại của một người tên L (không rõ họ, địa chỉ) và sử dụng số điện thoại 0366925969 của bị cáo để tạo tài khoản Facebook khác cùng tên “Mai L” (giống tên tài khoản Facebook của chị M) rồi đăng nhiều bài viết vào các ngày 04/8/2024 và 07/8/2024, với nội dung về chị M như “Vô ơn, lợi dụng tình cảm người khác để lấy tiền” cho nhiều người biết nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị M nhưng không có chứng cứ chứng minh là sự thật. Ngày 18/7/2024, chị M trình báo sự việc đến cơ quan công an, đến ngày 19/8/2024, bị cáo bị bắt giữ.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi cướp giật điện thoại của chị Lâm Thị Ngọc M, khi thực hiện bị cáo không dùng vũ lực hay lời nói đe dọa chị M. Ngoài ra, bị cáo nhiều lần sử dụng mạng xã hội thông qua ứng dụng Facebook để bịa đặt, loan truyền những thông tin không đúng sự thật nhằm mục đích xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị M. Những nội dung lan truyền về chị M là do bị cáo tự suy nghĩ, không có chứng cứ chứng minh.

* Kết luận định giá tài sản số 31/KL-ĐGTS ngày 19/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận:

- 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu OPPO A54, màu xanh, được mua mới vào tháng 8/2021. Giá 4.690.000 đồng x 01 cái x 40% = 1.876.000 đồng.

- 01 (Một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu đen, có dán nhiều họa tiết hình thú, không rõ nhãn hiệu và chủng loại. Không xác định được giá trị.

Tổng giá trị tài sản là: 1.876.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

* Kết luận giám định số 1756/KL-KTHS(Đ2) ngày 03/01/2025 của Phòng K - Công an tỉnh T kết luận đối với xe mô tô hai bánh, màu sơn đen bạc cam, biển số 54T2 – 6860:

- Số khung: RLHJF18008Y742487 không phát hiện dấu vết cắt hàn, mài mòn, đục sửa, tẩy xóa.

- Số máy: JF18E-5349057 không phát hiện dấu vết cắt hàn, mài mòn, đục sửa, tẩy xóa.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn P phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Vu khống”.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm e khoản 2 Điều 156; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn P từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Vu khống”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/8/2024.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu xung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, số máy: JF18E-5349057; số khung: RLHJF18008Y742487, màu sơn đen cam, biển số 54T2 – 6860 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 023917 mang tên Trương Thị H.

Trả lại cho chị M 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu OPPO A54.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J3, màu vàng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 03 năm 2025 bị cáo Nguyễn Tuấn P có đơn kháng cáo với nội dung: bị cáo nhận thấy mức án quá cao so với hành vi của bị cáo; Công an điều tra đã viết ra bản kết luận điều tra và Viện kiểm sát có bản cáo trạng không đúng sự thật để ép buộc tội bị cáo; Tòa án đã xử ép tội bị cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo giữ yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng, bị cáo có đơn kháng cáo hợp lệ và trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Vu khống” là có căn cứ pháp luật. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo phạm tội là oan, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Tuấn P có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Vu khống” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 và điểm e khoản 2 Điều 156 của Bộ luật Hình sự, và xem xét tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, và tuyên phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Vu khống”.

Tại phiên tòa sơ thẩm và theo nội dung kháng cáo, bị cáo cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm ra kết luận điều tra, cáo trạng không đúng sự thật, bản án xử ép tội bị cáo. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án thì: nguyên nhân phạm tội của bị cáo là xuất phát từ mâu thuẫn tình cảm giữa bị cáo và bị hại; tại các bản tự khai ngày 19/8/2024 và 30/8/2024, các biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2024 và 22/8/2024, các biên bản hỏi cung ngày 30/8/2024, 19/11/2024, 10/01/2025 và 13/01/2025 đều thể hiện việc bị cáo khai nhận hành vi phạm tội là tự nguyện, không bị ép buộc, không bị đe dọa và đồng ý ký tên; tại biên bản đối chất ngày 19/8/2024 giữa bị cáo và bị hại, có sự tham gia của Kiểm sát viên thì bị cáo vẫn tự nguyện khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp lời khai của bị hại; các lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả xử lý nguồn tin tội phạm và các tài liệu, chứng khác của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận: Vào khoảng 16 giờ ngày 12/6/2024, tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trong lúc nói chuyện với bị hại Lâm Thị Ngọc M, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động nên dùng tay phải giật lấy điện thoại di động hiệu OPPO A54 trị giá 1.867.000 đồng mà bị hại Lâm Thị Ngọc M đang cầm trên tay rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Sau đó, bị cáo in ra nhiều tấm ảnh từ hình ảnh lưu trữ trong máy điện thoại di động OPPO A54, viết vào mặt sau tấm ảnh nhiều nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị Lâm Thị Ngọc M mang treo dán nhiều nơi vào ngày 23/6/2024 và 30/6/2024. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Tuấn P nhiều lần sử dụng mạng xã hội thông qua ứng dụng Facebook với tài khoản “Mai L” (trùng tên tài khoản của bị hại) để bịa đặt và loan truyền những thông tin sai sự thật để xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm và cuộc sống của chị Lâm Thị Ngọc M.

Lời khai của bị cáo nêu trên phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, nhân phẩm và danh dự của bị hại được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và tội “Vu khống” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 156 của Bộ luật Hình sự là không oan sai, đúng người, đúng tội.

Quá trình tố tụng, bị cáo không thành khẩn nhận tội, không ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, và tuyên phạt bị cáo với mức án nêu trên là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện đúng tính răn đe, nghiêm minh của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần liên quan đến kháng cáo cần xem xét: không có.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn P.
- Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn P (T) phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Vu khống”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm e khoản 2 Điều 156; Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Vu khống”. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 19/8/2024.

- Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND tỉnh Tiền Giang; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang; (1)
- Trại giam CA tỉnh Tiền Giang; (1)
- TAND H. Chợ Gạo; (1)
- VKSND H. Chợ Gạo; (1)
- THADS H. Chợ Gạo; (1)
- Bị cáo; (1)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy